

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST- HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ninh Thị S**, sinh năm 1999. Địa chỉ cư trú: thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ninh Thị S trình bày: chị kết hôn với anh Đ vào ngày 09/12/2021 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng hai bên không hợp nhau về tính tình, quan điểm thường xuyên không thống nhất dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu

thuần. Ngoài ra, anh Đ thường xuyên chơi game thâu đêm suốt sáng, chị có nhắc nhở thì anh Đ chửi bới chị. Mặt khác, anh Đ không có khả năng sinh con, chị và anh Đ kết hôn 2 tháng nhưng vợ chồng không có việc quan hệ tình cảm. Chị S xác định nếu tiếp tục chung sống với anh Đ thì cũng không có hạnh phúc và tương lai, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2022 và vợ chồng sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Nay chị S xác định thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để giải phóng cho đôi bên khỏi giằng buộc.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không có, chị S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Lê Văn Đ, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần đến trụ sở Tòa án để làm việc, song anh Đ đều không đến. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Đ được.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Văn Đ, sinh năm 1977 (là chú của anh Đ) cung cấp: sau khi kết hôn chị S và anh Đ đưa nhau về nhà bố mẹ đẻ anh Đ ở (mẹ anh Đ đã mất, bố bị bệnh không minh mẫn). Chị S ở đó được khoảng 2 tuần thì về nhà bố mẹ đẻ với lý do đưa mẹ đi chữa bệnh. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay chị S không quay về chung sống với anh Đ nữa. Việc chị S xin ly hôn anh Đ ông cũng biết vì anh Đ về nhà có nói với ông. Hiện nay anh Đ đi làm công nhân tại công ty dưới Phú Thái sáng đi tối về, nhưng ông không biết ở công ty nào. Toà án có về giao cho anh Đ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên hoà giải cho anh Đ, ông đều nhận thay và đã giao trực tiếp cho anh Đ. Còn việc anh Đ có đến Toà án hay không thì ông không nắm được.

Tại phiên toà: Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như trong biên bản lấy lời khai trong quá trình Toà án giải quyết vụ án đã tiến hành thu thập. Anh Đ vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện VKS nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; Về việc quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử cho chị Ninh Thị S được ly hôn anh Lê Văn Đ Không đặt ra việc giải quyết về tài sản chung, nợ chung; chị S phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Văn Đ cư trú tại huyện Kim Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Chị S có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh Đ được triệu tập hợp lệ 2 lần vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt chị S và anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Ninh Thị S và anh Lê Văn Đ kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Ninh Thị S thì thấy: căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu do Toà án thu thập thì thấy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Đ là do hai bên không hợp nhau về tính tính, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Sau khi kết hôn, chị S và anh Đ chỉ chung sống với nhau được 2 tháng thì chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, đã có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S xử cho chị Ninh Thị S được ly hôn anh Lê Văn Đ là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ninh Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ninh Thị S có đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị S, cho ly hôn giữa chị Ninh Thị S và anh Lê Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Ninh Thị S phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0004758 ngày 23/5/2022. Chị S đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích